

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/6/2019

“V/v: *Không công nhận vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Bà Vi Thị Ty.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

Trong ngày 26/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST- HNGĐ ngày 24/4/2019 về: **“Ly hôn”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2019. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Bích T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố a (*trước là tổ dân phố a*), thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh **Thái Xuân H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 499 đường H V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Hồ Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thái Xuân H qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng 03 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1991, cùng nhau xây dựng gia đình, sinh con chung, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là do chị không hiểu biết về pháp luật. Cho đến nay chị không đăng ký kết hôn với ai và cũng chưa đăng ký kết hôn với anh Thái Xuân H.

Anh, chị chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, đến khoảng năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng và gay gắt mà anh, chị không tự hòa giải được. Nguyên nhân chính là do anh, chị không hợp tính tình nhau, không có sự tin tưởng và đùm bọc yêu thương nhau

nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, bản thân anh H có tính vũ phu, ham mê cờ bạc nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị và con trai khiến cuộc sống chung của vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến năm 2017 anh H và chị sống ly thân với nhau, anh H vẫn sinh sống và làm việc tại huyện Đ tỉnh Kon Tum, chị cùng với 03 con chung chuyển về sinh sống tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, chị không còn liên lạc với anh H nữa. Nay chị T xét thấy không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Thái Xuân H.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên là Thái Hồ Bích T, sinh ngày 24/6/1992; Thái Hồ Xuân H, sinh ngày 17/01/1997; Thái Hồ Bích T, sinh ngày 29/11/2000. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chị và anh H chung sống với nhau đã tạo lập được một số tài sản chung nhưng nay anh, chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Quá trình chị và anh H chung sống với nhau không có phát sinh nợ chung ai và cũng không cho ai mượn nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H và giữ nguyên quan điểm giải quyết đối với con chung, tài sản chung, nợ chung như chị đã trình bày.

Bị đơn anh Thái Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng 04 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1991, cùng nhau xây dựng gia đình, sinh con chung, nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân anh, chị không đăng ký kết hôn là vì tại thời điểm anh, chị về chung sống với nhau thì anh và chị T mỗi người ở một nơi, cách xa nhau về mặt địa lý, đường xá khó khăn trong việc đi lại và cả hai anh, chị đều không có cùng Hộ khẩu thường trú ở một địa phương nên khó khăn trong việc thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được. Cho đến nay anh không đăng ký kết hôn với ai và cũng chưa đăng ký kết hôn với chị Hồ Thị Bích T.

Quá trình chung sống với nhau, anh và chị T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, nhưng bắt đầu từ năm 2017 chị T thuyết phục anh về xây dựng nhà ở huyện Kbang để sinh sống, chị T chuyển về Kbang sinh sống và quen biết, giao du với nhiều người bạn mới và đã có sự thay đổi trong tính cách. Chị T không còn quan tâm gì đến anh nữa, đối xử lạnh nhạt và không cho anh can thiệp vào cuộc sống của chị T. Tuy công tác tại tỉnh Kon Tum nhưng anh chỉ cần có thời gian rảnh là về lại nhà thăm nom vợ con, vì anh vẫn muốn níu kéo hạnh phúc gia đình mà cả cuộc đời anh xây dựng nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang cho vợ chồng anh được về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là Thái Hồ Bích T, sinh ngày 24/6/1992; Thái Hồ Xuân H, sinh ngày 17/01/1997; Thái Hồ Bích T, sinh ngày 29/11/2000. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao

động. Hai con gái T và T đã lấy chồng, còn con trai Thái Hồ Xuân H, anh sẽ định hướng cho con H công việc và chu cấp những gì cần thiết để con ổn định cuộc sống sau này, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị T có tạo lập được một số tài sản chung nhưng nay anh, chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh H không có nợ chung và không cho ai mượn nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có quan điểm giải quyết về hôn nhân theo quy định của pháp luật. Về phần con chung, tài sản chung, nợ chung anh H vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết như anh đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Hồ Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án Hôn nhân & Gia đình giữa chị và anh Thái Xuân H. Anh H và chị T đã tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai là nơi cư trú của nguyên đơn có thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình của anh, chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1991 chị Hồ Thị Bích T và anh Thái Xuân H đã tự nguyện về chung sống với nhau được một thời gian dài nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và kéo dài, anh chị thường xuyên cãi vã và không thể tự hòa giải được, chị T và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa nên chị T xin được ly hôn với anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, vì hôn nhân của anh, chị không tuân theo quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn theo trình tự, thủ tục mà pháp luật về Hôn nhân và Gia đình quy định, nên Hội đồng xét xử (*viết tắt là HĐXX*) căn cứ vào quy định tại các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để tuyên bố quan hệ giữa chị T và anh H không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Về con chung: Hai đương sự có 03 con chung tên Thái Hồ Bích T, sinh ngày 24/6/1992; Thái Hồ Xuân H, sinh ngày 17/01/1997; Thái Hồ Bích T, sinh ngày 29/11/2000. Hiện 3 con chung của chị T và anh H đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chị T và anh H chung sống với nhau, hai đương sự đã tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh, chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chị T và anh H chung sống với nhau, hai đương sự không phát sinh nợ chung và không cho ai mượn nợ nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Thị Bích T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội;
- Căn cứ vào các Điều 14, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 238, 266 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Hồ Thị Bích T và anh Thái Xuân H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên Thái Hồ Bích T, sinh ngày 24/6/1992; Thái Hồ Xuân H, sinh ngày 17/01/1997; Thái Hồ Bích T, sinh ngày 29/11/2000. Hiện 3 con chung của chị T và anh H đều đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh H đều thừa nhận đã tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh, chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh H đều thừa nhận không có phát sinh nợ chung và không cho ai mượn nợ nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006859 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang. Chị T đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

ĐỖ THỊ LÀNH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CTPT

ĐỖ THỊ LÀNH

